

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 03-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Giáp Long.

2. Ông Huỳnh Phước .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2025 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ông Trương Thành T, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ).

– *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, đường T, Khóm B, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Thành T trình bày: Ông Trương Thành T và bà Nguyễn Thị Hồng D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/9/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hiện ông T và bà D không còn chung sống với nhau. Thời kỳ hôn nhân ông T và bà D có 03 người con chung là: 1/ Trương Quốc B, sinh ngày 13/10/2017; 2/ Trương Bảo M, sinh ngày 07/12/2019; 3/ Trương Thanh H,

sinh ngày 03/9/2022. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông Trương Thành T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân ông T yêu cầu được ly hôn với bà D. Về con chung là Trương Quốc B, sinh ngày 13/10/2017 và Trương Bảo M, sinh ngày 07/12/2019 ông T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi hai con là Trương Quốc B và Trương Bảo M. Đối với con chung là Trương Thanh H, sinh ngày 03/9/2022 đang chung sống với bà D, ông T đồng ý giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là Trương Thanh H. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hồng D, nhưng bà D không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như không tham phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng quy định, nhưng sự chấp hành của bị đơn là chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D nhưng bà D vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thành T, nhận thấy ông T và bà D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 23/9/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông T và bà D không còn chung sống từ năm 2024 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên ông T nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D, nhưng ông T vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà D.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà D có 03 người con chung là: 1/ Trương Quốc B, sinh ngày 13/10/2017; 2/ Trương Bảo M, sinh ngày 07/12/2019; 3/ Trương Thanh H, sinh ngày 03/9/2022. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đang chung sống với ông T là Trương Quốc B, sinh ngày 13/10/2017 và Trương Bảo M, sinh ngày 07/12/2019 đến khi 18 tuổi, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi hai con là Trương Quốc B và Trương Thảo M1. Đối với con chung là Trương Thanh H, sinh ngày 03/9/2022 đang chung sống với bà D, ông T đồng ý giao con chung là Trương Thanh H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Trương Thanh H đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con là Trương Thanh H. Xét thấy, cháu Trương Quốc B, sinh ngày 13/10/2017 và Trương Bảo M, sinh ngày 07/12/2019 hiện đang chung sống với ông T và cháu Trương Thanh H, sinh ngày 03/9/2022 hiện đang chung sống với bà D. Để đảm bảo cho môi trường sống của cháu B, cháu M không bị xáo trộn, để các cháu phát triển toàn diện về mọi mặt và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Quốc B muốn chung sống với ông T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao con chung là Trương Quốc B và Trương Bảo M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B, cháu M đủ 18 tuổi. Ông T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc ông T không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung là Trương Thanh H, sinh ngày 03/9/2022 hiện đang chung sống với bà D, ông T đồng ý giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bà D không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H nên việc ông T trình bày không cấp dưỡng nuôi cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thành T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Thành T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng D.

- Về con chung:

+ Giao con chung là Trương Quốc B, sinh ngày 13/10/2017 và Trương Bảo M, sinh ngày 07/12/2019 cho ông Trương Thành T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Trương Quốc B và Trương Bảo M đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Hồng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung là Trương Quốc B và Trương Bảo M.

Bà Nguyễn Thị Hồng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là Trương Quốc B và Trương Bảo M theo quy định của pháp luật.

+ Giao con chung là Trương Thanh H, sinh ngày 03/9/2022 cho bà Nguyễn Thị Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Trương Thanh H đủ 18 tuổi. Ông Trương Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là Trương Thanh H.

Ông Trương Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là Trương Thanh H theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Trương Thành T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Trương Thành T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000467, ngày 26/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Trương Thành T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng D không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV5-CT;
- UBND P. Sóc Trăng, TPCT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Chiêm Ngọc Linh